

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về tên, ký mã hiệu, nhãn hiệu cụ thể của hàng hóa.

Hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT mà không được quy định tương đương về xuất xứ.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

Mục này nêu thông tin tóm tắt về dự án/dự toán mua sắm và gói thầu như địa điểm thực hiện dự án/dự toán mua sắm, quy mô của dự án/dự toán mua sắm, yêu cầu về cung cấp hàng hóa thuộc gói thầu, thời gian thực hiện gói thầu và những thông tin khác tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu.

a) Dự toán mua sắm: Mua sữa tươi tiệt trùng có đường dung tích 180ml/hộp hỗ trợ sữa trong bữa ăn học đường cho học sinh tiểu học học kỳ 1 năm học 2025-2026.

b) Gói thầu: Sữa tươi tiệt trùng có đường 180ml/hộp.

c) Chủ đầu tư: Trường Tiểu học Kim Đồng.

d) Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước;

e) Hình thức/ phương thức LCNT: Chào hàng cạnh tranh qua mạng 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ;

f) Giá gói thầu: 602.756.000 VND (đã bao gồm toàn bộ hàng hóa, chi phí thuế liên quan, vận chuyển và giao hàng tại Trường Tiểu học Kim Đồng).

- g) Thời gian thực hiện gói thầu: 4 tháng.
- h) Địa điểm giao hàng: tại Trường Tiểu học Kim Đồng, xã Trà My, thành phố Đà Nẵng.
- i) Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- k) Giới thiệu quy mô gói thầu, chủng loại hàng hóa được duyệt:

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Sữa tươi tiệt trùng có đường 180ml/hộp	Hộp	79.050	Giao hàng 08 đợt trong vòng 4 tháng, mỗi tháng 02 đợt.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung là các yêu cầu về chủng loại, tiêu chuẩn hàng hóa và các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, điều kiện khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng. Tùy thuộc vào sự phức tạp của hàng hóa, các yêu cầu kỹ thuật chung được nêu cho tất cả các hàng hóa hoặc cho từng loại hàng hóa riêng biệt.

a1) Nguồn gốc xuất xứ hàng hóa: Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo truy xuất được nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa, không nhầm lẫn hàng hóa khác. Nhà thầu phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin của hàng hóa theo yêu cầu tại biểu dự thầu Mẫu số 10B (được trích xuất sang mẫu số 12.1A trên webform), Chương IV, E-HSMT.

a2) Tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật của hàng hóa.

Nhà thầu cung cấp các tài liệu sau đây để chứng minh thông số kỹ thuật mà nhà thầu đã kê khai:

- Catolog hàng hóa của nhà sản xuất công bố.
- Bản tự công bố sản phẩm theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP của chính phủ có thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất của nhà sản xuất còn hiệu lực.
- Hình ảnh/ảnh chụp màu, rõ nét sản phẩm, bao bì và nhãn sản phẩm có đầy đủ Thông tin công bố về sản phẩm của nhà sản xuất phù hợp với thông số kỹ thuật dự thầu và đảm bảo có các thông tin cơ bản sau đây:

- * Tên thực phẩm;
- * Tên, địa chỉ nhà sản xuất/NPP chính thức;

- * Thẻ tích thực của thực phẩm;
- * Thành phần cấu tạo;
- * Ngày sản xuất, hạn sử dụng;
- * Xuất xứ của hàng hóa;
- * Hướng dẫn bảo quản, hướng dẫn sử dụng;

(Trường hợp nhà thầu không có đủ tài liệu chứng minh thông tin kê khai là đúng và bản dịch tiếng Việt đính kèm thì Nhà thầu có thể cam kết Thông số kỹ thuật kê khai là đúng TSKT từ nhà sản xuất, chịu trách nhiệm về TSKT đã kê khai và sẽ cung cấp tài liệu chứng minh khi được mời đối chiếu tài liệu (nếu có). Khi được mời đối chiếu nhà thầu không cung cấp được tài liệu chứng minh thì Tổ chuyên gia sẽ kiến nghị Chủ đầu tư xem xét nhà thầu kê khai không trung thực).

a3) Tài liệu chứng minh tính hợp lệ, chất lượng của hàng hoá:

+ Nhà thầu có thể cung cấp 1 trong các giấy chứng nhận của Nhà sản xuất theo yêu cầu sau đây: Giấy chứng nhận thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc chứng nhận có giá trị tương đương có lĩnh vực được chứng nhận phù hợp gói thầu và còn hiệu lực;

+ Bản tự công bố sản phẩm theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP của chính phủ có thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất đáp ứng Tiêu chuẩn sản xuất các sản phẩm sữa dạng lỏng theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN5-1:2010/BYT và các Quy chuẩn khác về an toàn đối các sản phẩm sữa dạng lỏng do Bộ Y tế ban hành đang có hiệu lực;

+ Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày đóng/mở thầu được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định và phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực).

(Các tài liệu trong hồ sơ phải được thể hiện bằng tiếng Việt; trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt tại đơn vị dịch thuật đảm bảo độ tin cậy, đúng theo quy định của Pháp luật. Tài liệu phải còn hiệu lực tại thời điểm tự công bố)

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể như tính năng, thông số kỹ thuật, các bản vẽ, catalô, các thông số bảo hành... được nêu cho từng loại hàng hóa. Khi nêu yêu cầu, các thông số kỹ thuật có thể được mô tả dưới hình thức bảng biểu. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu. Chủ đầu tư phải soạn thảo chi tiết phần Thông số kỹ thuật trên cơ sở xem xét đến những yếu tố sau:

- Thông số kỹ thuật bao gồm các tiêu chuẩn làm căn cứ cho Chủ đầu tư, tổ chuyên gia xác minh tính đáp ứng về mặt kỹ thuật và đánh giá E-HSDT. Do đó, nếu

b1. Thông số kỹ thuật cụ thể (đặc tính kỹ thuật chi tiết, tiêu chuẩn sản xuất, tính năng sử dụng):

- Thông số kỹ thuật chung:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Tiêu chuẩn
1	Sữa tươi tiệt trùng	Tiêu chuẩn sản xuất đáp ứng Tiêu chuẩn sản xuất các sản phẩm sữa dạng lỏng theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN5-1:2010/BYT và các Quy chuẩn khác về an toàn đối các sản phẩm sữa dạng lỏng do Bộ Y tế ban hành đang có hiệu lực, cụ thể đối với Sản phẩm được chế biến chủ yếu từ sữa tươi nguyên liệu, không bổ sung bất kỳ một thành phần nào của sữa, có thể bổ sung đường và các loại nguyên liệu khác ví dụ như nước quả, cacao, cà phê, phụ gia thực phẩm, đã qua tiệt trùng.

- Thông số kỹ thuật chi tiết và các tiêu chuẩn chi tiết (khi cần thiết).

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Sữa tươi tiệt trùng có đường, thể tích thực 180ml/hộp	- Thành phần: Phải đáp ứng yêu cầu thông số kỹ thuật chung nêu trên. Yêu cầu thành phần chi tiết: + Hàm lượng sữa tươi nguyên chất $\geq 96\%$, đường (3.8%). + Hàm lượng vitamin và khoáng chất (nếu có) không thấp hơn 80% giá trị trên nhãn; + Quy cách đóng gói: 1 lốc /4 hộp dung tích 180ml, 1 thùng 12 lốc (48 hộp); - Hàng hoá mới 100%, Hạn sử dụng: tối thiểu 06 tháng tính từ ngày sản xuất (Còn hạn sử dụng tối thiểu: $\geq 2/3$ thời gian kể từ khi giao hàng cho từng đợt). - Chất liệu bao bì của hộp sữa: hộp giấy, bên trong lớp nhựa PE chuyên dùng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

b2. Tài liệu chứng minh hàng hóa dự thầu có những thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất khác với thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn được nêu tại điểm b1, khoản 1.2 nêu trên:

- Hàng hóa dự thầu có những thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất sai khác

với thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn được nêu tại điểm b1, khoản 1.2, Mục 1, Chương V, E-HSMT thì nhà thầu phải có các tài liệu nêu tại điểm b2, khoản 1.2, Mục 1, Chương V, E-HSMT để chứng minh các sai khác là đáp ứng yêu cầu về thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất một cách hợp lý, thuyết phục và có cơ sở khoa học để đánh giá phù hợp hoặc chấp nhận được.

- Nhà thầu liệt kê những điểm sai khác, ngoại lệ (nếu có) so với yêu cầu tại điểm b1/b nêu trên và lập Bảng so sánh, phân tích, giải thích và đính kèm tài liệu (nếu có) để chứng minh những TSKT, tiêu chuẩn sai khác vẫn đáp ứng thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất là đáp ứng yêu cầu E-HSMT (Nhà thầu chỉ liệt kê những Thông số kỹ thuật, thành phần, tính năng sử dụng khác yêu cầu E-HSMT)

* Nhà thầu lập Bảng so sánh theo Mẫu sau:

T T	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật yêu cầu tại E-HSMT	Hàng hóa chào thầu			Tài liệu chứng minh (nếu có)	Ghi chú
			Thông số kỹ thuật, ...	Phân tích/đánh giá	Cơ sở phân tích		
1	Hàng hóa 1	Tiêu chí 1	Tiêu chí 1				
		Tiêu chí 2	Tiêu chí 2'				

(Ghi chú: Đối với thông số kỹ thuật khác biệt của một loại hàng hóa nào đó trong yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT mà chỉ có một sản phẩm cụ thể của một hãng sản xuất cụ thể đáp ứng thì nhà thầu chỉ ra và cung cấp tài liệu chứng minh các thông tin nhà thầu cung cấp là có cơ sở để Tổ chuyên gia xem xét có áp dụng hoặc không áp dụng tiêu chí đó khi đánh giá E-HSDT theo quy định của Luật đấu thầu.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tính chính xác thông tin nhà thầu cung cấp. Trường hợp nhà thầu không có tài liệu chứng minh hoặc thông tin nhà thầu cung cấp là không chính xác có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì Tổ chuyên gia xem xét kiến nghị xử lý nhà thầu cung cấp thông tin không trung thực theo quy định).

1.3. Các yêu cầu khác

a. Yêu cầu về phương án cung cấp hàng hóa: Nhà thầu có đề xuất phương án cung cấp hàng hóa đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu E-HSMT, bao gồm:

- Phương án bốc xếp, vận chuyển hàng hóa, lưu trữ và bàn giao hàng hóa đảm bảo chất lượng đến người sử dụng.

- Phương án giao hàng thành nhiều đợt, mỗi tháng 02 đợt, mỗi đợt được giao vào ngày đầu tiên của từng đợt.

- Phương án bố trí nhân sự trong quá trình giao hàng, hướng dẫn bảo quản, sử dụng.

b. Yêu cầu sản phẩm đã được sử dụng phổ biến trên thị trường: Nhà thầu có tài liệu chứng minh hàng hoá cung cấp đã được sử dụng rộng rãi, phổ biến trên thị trường, tài liệu chứng minh theo 1 trong các cách sau:

- Cung cấp thông tin ít nhất 03 hợp đồng hàng hoá cung cấp sữa cùng loại gói thầu có quy mô tương tự (hoặc 01 hợp đồng cung cấp sữa cùng loại gói thầu có số lượng hợp sữa cung cấp $\geq$ 03 lần số lượng của gói thầu) đã thực hiện hoàn thành trong vòng 02 năm gần nhất tính từ thời điểm đóng/mở thầu (Nhà thầu đính kèm Hợp đồng, nghiệm thu, hóa đơn và có thể cung cấp số TBMT để kiểm tra) hoặc:

- Cung cấp xác nhận của ít nhất 03 khách hàng là tổ chức đối với sữa cùng loại gói thầu về chất lượng sản phẩm trong quá trình sử dụng (đối với sản phẩm mới được sản xuất trong năm 2025).

c. Yêu cầu về Cam kết thực hiện gói thầu:

Nhà thầu có cam kết trong đề xuất kỹ thuật của gói thầu, hàng hóa dự thầu đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nhà thầu tổ chức kiểm tra chất lượng hàng hoá trước khi bốc xếp lên phương tiện vận chuyển: Kiểm tra nguồn gốc xuất xứ, chủng loại, thành phần, chất lượng, tiêu chuẩn cần thiết để đảm bảo hàng hoá trước khi cung cấp đạt yêu cầu kỹ thuật, ATVSTP theo quy định;

- Nhà thầu chịu trách nhiệm trước pháp luật và người tiêu dùng về chất lượng, hiệu quả và độ an toàn của sản phẩm do nhà thầu cung cấp. Trường hợp xảy ra sự cố không mong muốn trong quá trình sử dụng mà kết luận của cơ quan chức năng là do hàng hóa nhà thầu gây ra, nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm, chi phí và các vấn đề pháp lý theo quy định Pháp luật.

- Kịp thời cung cấp thông tin về nguy cơ gây mất an toàn của thực phẩm và cách phòng ngừa cho người tiêu dùng khi nhận được thông tin cảnh báo của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu;

- Kịp thời cung cấp và thông tin cho tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu và người tiêu dùng khi phát hiện thực phẩm không bảo đảm an toàn;

- Báo cáo ngay với cơ quan có thẩm quyền và khắc phục ngay hậu quả khi phát hiện ngộ độc thực phẩm hoặc bệnh truyền qua thực phẩm do mình kinh doanh gây ra;

- Hợp tác với tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra ngộ độc thực phẩm để khắc phục hậu quả, thu hồi hoặc xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn;

- Tuân thủ quy định của pháp luật, quyết định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Chi trả chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật.

- Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật khi thực phẩm mất an toàn do mình kinh doanh gây ra.

- Hàng hóa đều mới 100%, được sản xuất có thời gian gần nhất.

- Cung cấp Thông tin và phối hợp Chủ đầu tư để kiểm tra thực tế các cơ sở sản xuất, chế biến, phân phối và cung ứng dịch vụ vận chuyển khi có yêu cầu.

* Trường hợp cần thiết Chủ đầu tư có thể thuê đơn vị kiểm nghiệm độc lập để tiến hành kiểm nghiệm theo tài liệu nhà thầu cung cấp;

- Hàng hóa cung cấp đảm bảo không vi phạm các quy định sau:

+ *Sử dụng nguyên liệu không thuộc loại dùng cho thực phẩm để chế biến thực phẩm.*

+ *Sử dụng nguyên liệu thực phẩm đã quá thời hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc không bảo đảm an toàn để sản xuất, chế biến thực phẩm.*

+ *Sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm đã quá thời hạn sử dụng, ngoài danh mục được phép sử dụng hoặc trong danh mục được phép sử dụng nhưng vượt quá giới hạn cho phép; sử dụng hóa chất không rõ nguồn gốc, hóa chất bị cấm sử dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm.*

+ *Thực phẩm bị biến chất;*

+ *Thực phẩm có chứa chất độc hại hoặc nhiễm chất độc, tác nhân gây ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép;*

+ *Thực phẩm có bao gói, đồ chứa đựng không bảo đảm an toàn hoặc bị vỡ, rách, biến dạng trong quá trình vận chuyển gây ô nhiễm thực phẩm;*

+ *Thực phẩm không được phép sản xuất, kinh doanh để phòng, chống dịch bệnh;*

+ *Thực phẩm chưa được đăng ký bản công bố hợp quy tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp thực phẩm đó thuộc diện phải được đăng ký bản công bố hợp quy;*

+ *Thực phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc quá thời hạn sử dụng.*

+ *Sử dụng phương tiện gây ô nhiễm thực phẩm, phương tiện đã vận chuyển chất độc hại chưa được tẩy rửa sạch để vận chuyển nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm.*

+ *Cung cấp sai hoặc giả mạo kết quả kiểm nghiệm thực phẩm.*

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Danh mục bản vẽ

Bản vẽ số	Tên bản vẽ	Mục đích sử dụng
-----------	------------	------------------

Trường hợp có bản vẽ thì phải đính kèm theo bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

1. Kiểm tra bằng cảm quan trực tiếp, nhãn mác bao bì hàng hoá;
2. Kiểm tra bằng kết quả kiểm nghiệm độc lập (khi có phát sinh nghi vấn về chất lượng hàng hoá).
